

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YTH
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ -ST

Ngày: 14/9/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YTH – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Ngô Phiên.

Bà Nguyễn Thị Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Thị Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện YTh , tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YTh , tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa- Kiểm sát viên

Ngày 14/9/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YTh , tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2020/TLST-HNGĐ ngày 28/4/2020 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/7/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 22/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H1 , sinh năm 1982, (Có đơn xin xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn TX (Nay là Tổ dân phố TX), thị trấn BH , huyện YTh , tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Trần Văn H2 , sinh năm 1979, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐC , xã ĐH , huyện YTh , tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn H2 vào ngày 27/11/2000 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH , huyện YTh . Sau khi kết hôn chị H1 về nhà chồng làm dâu. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc cho đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai vợ chồng không hợp nhau thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên đánh cãi, chửi nhau. Đến tháng 8/2003 mâu thuẫn hai vợ chồng trầm trọng. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến

ai nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H1 xin ly hôn anh H2 .

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trần Thị L1 , sinh ngày 14/9/2001. Hiện nay cháu L1 khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với chị H1 . Nay con chung đã trưởng thành nên chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh H2 không đến Tòa án làm việc, qua xác minh tại địa phương đối với ông Bùi Mạnh Hùng, Phó trưởng công an xã ĐH , huyện YTh cho biết: Anh Trần Văn H2 là công dân địa phương, có đăng ký hộ khẩu tại Thôn ĐC , xã ĐH , huyện YTh . Tuy nhiên, thời gian gần đây anh H2 không thường xuyên có mặt tại địa phương. Việc anh H2 đi đâu làm gì thì địa phương không nắm được. Hàng tháng vẫn thấy anh H2 về qua nhà một vài ngày rồi đi ngay.

Tại biên bản xác minh ngày 07/7/2020 đối với ông Lê Phước H3 , trưởng Thôn ĐC , xã ĐH , huyện YTh cho biết: Anh Trần Văn H2 là công dân Thôn ĐC , xã ĐH , huyện YTh . Năm 2000 anh H2 có kết hôn với chị Nguyễn Thị H1 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH , huyện YTh . Thời gian đầu vợ chồng anh H2 , chị H1 hòa thuận hạnh phúc đến năm 2003 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã được địa phương nhiều lần hòa giải nhưng không thành, chị H1 đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ năm 2003 cho đến nay.

Tại biên bản xác minh ngày 07/7/2020 đối với bà Nguyễn Thị L2 là mẹ đẻ của anh Trần Văn H2 cho biết: Năm 2000 anh H2 có kết hôn với chị Nguyễn Thị H1 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH , huyện YTh . Thời gian đầu vợ chồng anh H2 , chị H1 hòa thuận hạnh phúc đến năm 2003 hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh H2 đi làm ăn xa ít quan tâm đến gia đình nên khi về nhà vợ chồng thường xuyên xảy ra lời qua tiếng lại, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình nhiều lần hòa giải nhưng không thành, chị H1 đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ năm 2003.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

- Nguyên đơn: Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn: Không chấp hành nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể: vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án.

+ Về nội dung vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, đề nghị HĐXX xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị H1 ly hôn anh H2 .

- Về con chung: Cháu Trần Thị L1 , sinh ngày 14/9/2001. Hiện nay cháu L1 khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với chị H1 . Nay con chung đã trưởng thành nên chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H1 phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện YTh nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn của chị Nguyễn Thị H1 và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình: Xin ly hôn.

Bị đơn anh Trần Văn H2 có địa chỉ tại xã ĐH , huyện YTh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YTh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án anh H2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt vì vậy vụ án không tiến hành thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải, được mở vào các ngày 26/6/2020, 24/7/2020 anh H2 vắng mặt không có lý do, tại phiên tòa hôm nay anh H2 vắng mặt không lý do Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Trần Văn H2 .

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H1 kết hôn với anh H2 vào ngày 27/11/2000 trên cơ sở tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐH , huyện YTh . Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật

hôn nhân gia đình. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân hai vợ chồng không hợp nhau thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên đánh cãi, chửi nhau. Đến tháng 8/2003 chị H1 bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Nay chị H1 xin ly hôn, phía anh H2 đã được thông báo nhiều lần nhưng không có ý kiến gì phản đối và cũng không đến tham gia phiên họp công khai chứng cứ hòa giải. Xét thấy địa phương xác định mâu thuẫn vợ chồng chị H1, anh H2 đến nay đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân thời gian đã lâu, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị H1 là có căn cứ cần chấp nhận xử cho chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn anh Trần Văn H2.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Trần Thị L1, sinh ngày 14/9/2001. Hiện nay cháu L1 khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang ở với chị H1. Nay con chung đã trưởng thành nên chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản, công nợ chung: Chị H1 không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu miễn giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H1 được ly hôn anh Trần Văn H2.

2. Về con chung: Cháu Trần Thị L1, sinh ngày 14/9/2001 đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường. Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Chị H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Xác nhận chị H1 đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0002289 ngày 28/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YTh .

4. Về quyền kháng cáo: Dương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt án vắng mặt hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện YTh ;
- VKSND Tỉnh Bắc giang;
- Chi cục THADS huyện YTh ;
- UBND xã ĐH .
- Các đương sự.
- Lưu HS.
- Cổng thông tin điện tử Tòa án tối cao

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Đình Hưng